
TÁC ĐỘNG CỦA THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ VÀ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI (FDI) ĐẾN THU NHẬP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG VIỆT NAM

Nguyễn Hoàng Việt

Trường Đại học Thương mại

Email: nhviet@tmu.edu.vn

Phan Thu Trang

Trường Đại học Thương mại

Email: trang.pt@tmu.edu.vn

Mã bài: JED-1242

Ngày nhận bài: 22/05/2023

Ngày nhận bài sửa: 03/08/2023

Ngày duyệt đăng: 09/08/2023

DOI: 10.33301/JED.VI.1242

Tóm tắt

Bài viết nghiên cứu tác động của thương mại quốc tế và đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đến thu nhập bình quân của người lao động trong doanh nghiệp ở cấp độ địa phương tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu trong giai đoạn 2010 – 2021 chỉ ra rằng, giá trị xuất khẩu của địa phương, số lượng dự án FDI lũy kế còn hoạt động và đóng góp của khối FDI vào GDP địa phương có tác động tích cực đến thu nhập của người lao động; ngược lại, số vốn FDI đăng ký lũy kế và tốc độ tăng trưởng kinh tế có tác động tiêu cực; trong khi, giá trị nhập khẩu của địa phương và số lượng người lao động trong khối FDI không có tác động đến thu nhập của người lao động trong doanh nghiệp tại địa phương. Trên cơ sở đó, để nâng cao thu nhập bình quân của người lao động, bài viết đề xuất cần tập trung thúc đẩy xuất khẩu và thu hút các dự án FDI một cách có chọn lọc các dự án có hiệu quả tại các địa phương Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: Thương mại quốc tế, xuất khẩu, nhập khẩu, đầu tư trực tiếp nước ngoài, FDI, thu nhập người lao động.

Mã JEL: F16, F21, F23

Impacts of international trade and foreign direct investment (FDI) on the monthly average income of employees in enterprises in Vietnam provinces

Abstract

The study explores the impact of international trade and foreign direct investment (FDI) on the average monthly income of employees in enterprises at the provincial level in Vietnam from 2010 to 2021. Research results indicate that exports, the accumulative number of active FDI projects, and the contribution of the FDI sector to the provincial GDP positively impact the employees' income in enterprises. On the contrary, the cumulative capital of registered FDI and the economic growth of provinces have negative impacts; imports and employee numbers in the FDI sector do not impact the income of employees in enterprises. On that basis, to improve the average monthly income of employees, Vietnam provinces should focus on promoting exports and attracting selectively FDI projects in the future.

Keywords: International trade, export, import, foreign direct investment, FDI, employee income.

JEL Codes: F16, F21, F23

1. Giới thiệu

Thương mại quốc tế (xuất nhập khẩu) và đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân bản địa. Các nghiên cứu về tác động của thương mại quốc tế và FDI đến thu nhập của người lao động cho thấy mối quan hệ tích cực hay cùng chiều giữa các yếu tố trên. Cụ thể, FDI có thể ảnh hưởng đến nền kinh tế của nước nhận đầu tư bằng cách tăng nhu cầu lao động, mở rộng thị trường quốc tế và nâng cao năng suất lao động, làm cơ sở cho việc tăng thu nhập của người lao động trong doanh nghiệp tại địa phương tiếp nhận đầu tư. Bên cạnh đó, tác động lan tỏa của FDI không chỉ ảnh hưởng đến năng suất và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp trong nước mà còn tác động đến các yếu tố khác, đặc biệt là thu nhập của người lao động. FDI có thể làm gia tăng khoảng cách tiền lương giữa các doanh nghiệp nước ngoài và doanh nghiệp trong nước dẫn đến cạnh tranh về nguồn lao động. Khi đó, các doanh nghiệp trong nước buộc phải tăng thu nhập của người lao động để thu hút nhân lực, đặc biệt là lao động chất lượng cao. Ngoài FDI, thương mại quốc tế cũng có tác động quan trọng trong việc nâng cao thu nhập của người lao động. Nói cách khác, hoạt động xuất nhập khẩu không chỉ thúc đẩy nền kinh tế trong nước mà còn có tác động tích cực đến thu nhập của người lao động trong doanh nghiệp tại địa phương.

Thực tế, theo số liệu của Tổng cục Thống kê (2022), từ năm 2010 đến năm 2021, Việt Nam đã thu hút được một lượng vốn FDI lớn và vốn đăng ký cũng tăng đáng kể. Tổng số dự án FDI lũy kế còn hoạt động tăng từ 12.463 vào năm 2010 lên 34.479 vào năm 2021, tăng gấp đôi trong vòng 11 năm. Đồng thời, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam cũng tăng đáng kể trong thời gian này, từ mức 157,1 tỷ USD năm 2010 lên đến 669,0 tỷ USD năm 2021. Song song với tăng trưởng của thương mại quốc tế và FDI, thu nhập bình quân tháng của người lao động trên cả nước đã tăng đều và liên tục, tăng từ mức 4,1 triệu VND/tháng vào năm 2010 lên 9,55 triệu VND/tháng vào năm 2021. Từ số liệu thực tế trên, có thể thấy, mối quan hệ cùng chiều giữa FDI, thương mại quốc tế và thu nhập của người lao động trong doanh nghiệp tại Việt Nam.

Tuy nhiên, một số nghiên cứu thực nghiệm lại tìm ra các kết quả khác nhau về tác động tiêu cực hoặc không đáng kể của FDI và thương mại quốc tế đến thu nhập của người lao động tại nước bản địa. Điều này dẫn đến tính cấp thiết của đề tài cần nghiên cứu chuyên sâu, cụ thể như ở cấp độ các địa phương trong phạm vi một quốc gia, để làm rõ mối quan hệ giữa các yếu tố trên. Xuất phát từ tính cấp thiết trên, nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu, phân tích và đánh giá mối quan hệ giữa FDI, thương mại quốc tế và thu nhập của người lao động, từ đó đề xuất một số giải pháp phù hợp nhằm tăng thu nhập cho người lao động và đồng thời thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững ở nước ta.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Quan hệ giữa thương mại quốc tế và thu nhập của người lao động

Thương mại quốc tế là hoạt động trao đổi vốn, hàng hóa và dịch vụ giữa các quốc gia theo nguyên tắc trao đổi ngang giá nhằm mang lại lợi ích cho các bên. Mối quan hệ giữa thương mại quốc tế và thu nhập của người lao động đã nhận được sự quan tâm từ nhiều học giả trong và ngoài nước, các nghiên cứu chỉ ra rằng thương mại quốc tế có thể ảnh hưởng đến thu nhập của người lao động thông qua nhiều cách khác nhau. Cụ thể, theo kết quả nghiên cứu của Kramarz (2017), khi hoạt động nhập khẩu tăng lên và quá trình cải cách mở cửa diễn ra có thể tác động tích cực đến thị trường cũng như mang lại lợi nhuận cho các ngành công nghiệp tại một quốc gia. Điều này là nguyên nhân chính dẫn đến những thay đổi về cơ cấu lương của người lao động trong các ngành công nghiệp hiện có. Thêm vào đó, các ngành xuất khẩu lớn được cho là mang lại mức lương cao đối với người lao động vì nó đáp ứng được nhu cầu to lớn từ phía các bên nhập khẩu (Schank & cộng sự, 2010). Trên thực tế, nhu cầu này thường ổn định và thị trường ngày càng được mở rộng theo thời gian.

Nhấn mạnh vai trò tích cực của thương mại quốc tế đến thu nhập của người lao động, Lundin & Yun (2009) chỉ ra rằng tại các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, đặc biệt là doanh nghiệp xuất khẩu, với lợi thế về khả năng tiếp cận nguồn lực giá rẻ, tận dụng lợi thế nguồn lực trên mặt bằng thị trường quốc tế, thường có giá bán cao hơn so với các doanh nghiệp nội địa. Do đó, họ có thể đạt được doanh thu cao hơn và có khả năng đưa ra mức thu nhập cao hơn đối với người lao động. Đồng quan điểm, Yang & Mallick (2010) phân tích thu nhập của người lao động tại Trung Quốc và chỉ ra rằng thu nhập của lực lượng lao động trong ngành xuất nhập khẩu thường cao hơn so với các doanh nghiệp khác. Phạm Minh Thái & cộng sự (2022) phân tích

sự biến đổi thu nhập của lao động làm công ăn lương trong một số ngành định hướng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam trong khoảng thời gian từ năm 2007 đến năm 2021; và chỉ ra rằng thu nhập của lao động làm công ăn lương trong ngành chế tạo nói chung, cũng như trong các ngành định hướng xuất khẩu cụ thể, đã tăng liên tục trong suốt giai đoạn này.

Tuy nhiên, một số nghiên cứu thực nghiệm khác lại tìm ra tác động tiêu cực của thương mại quốc tế đến thu nhập của người lao động. Cụ thể, theo Borjas & Ramey (1995), dưới tác động của thương mại quốc tế, tiền lương của những công nhân phổ thông trong ngành công nghiệp xuất khẩu tập trung tại Mỹ có thể bị giảm. Lundin & Yun (2009) nghiên cứu về các doanh nghiệp sản xuất tại Thụy Điển cũng cho thấy thương mại quốc tế tác động tiêu cực đến thu nhập của người lao động tại các doanh nghiệp này.

Như vậy, có thể thấy bên cạnh những tác động tích cực đến thu nhập của người lao động, thương mại quốc tế có thể ảnh hưởng tiêu cực đến thu nhập của người lao động trong một số trường hợp. Điều này đặt ra tính cấp thiết nghiên cứu kiểm định lại mối quan hệ hay tác động của thương mại quốc tế đến thu nhập của người lao động. Do đó, bài viết này ủng hộ quan điểm tác động tích cực của thương mại quốc tế đến thu nhập bình quân của người lao động tại nước nhận đầu tư; từ đó đề xuất giả thuyết sau:

H1: Thương mại quốc tế có tác động tích cực đến thu nhập bình quân người lao động trong doanh nghiệp tại nơi nhận đầu tư.

2.2. Lý luận về tác động của FDI đến thu nhập của người lao động

UNCTAD (1999) định nghĩa FDI (đầu tư trực tiếp nước ngoài) là một hình thức đầu tư liên quan đến mối quan hệ lâu dài, trong đó một tổ chức, doanh nghiệp hoặc nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh tại một quốc gia khác. Qua đó, các doanh nghiệp nước ngoài có thể ảnh hưởng đáng kể đến việc quản lý doanh nghiệp tại nước nhận đầu tư. Theo IMF (1993) và OECD (1996), doanh nghiệp đầu tư trực tiếp được định nghĩa là doanh nghiệp mà trong đó nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 10% số lượng cổ phần hoặc quyền biểu quyết của một doanh nghiệp có tổ chức hoặc tỷ lệ tương đương với một doanh nghiệp không có tổ chức.

Theo quan điểm tiếp cận năng suất lao động và hiệu ứng lan tỏa của FDI, các học giả cho rằng FDI có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến thu nhập của người lao động. Cụ thể, theo Tintin (2012), các doanh nghiệp FDI thường có kinh nghiệm và nguồn lực tốt hơn, qua đó có thể tăng năng suất lao động và thu nhập của người lao động. Thực tế, tiền lương của người lao động được xác định thông qua năng suất biên lao động, do đó, khi sản phẩm biên tăng, tiền lương của người lao động cũng tăng theo.

Đồng thời, FDI cũng có thể tác động gián tiếp đến thu nhập của người lao động thông qua lan tỏa công nghệ (Yasin & cộng sự, 2022). Cụ thể, các doanh nghiệp FDI với lợi thế về kinh nghiệm, kỹ năng tổ chức, công nghệ hiện đại và do đó có thể mang lại nhiều tài sản vô hình đến nền kinh tế và các doanh nghiệp tại nước sở tại. Thông qua trao đổi hàng hóa, cạnh tranh và luân chuyển lao động, các doanh nghiệp nội địa có thể học hỏi và hưởng lợi từ việc giới thiệu sản phẩm hoặc quy trình mới từ các doanh nghiệp FDI. Như vậy, có thể nói FDI tác động đáng kể đến tiền lương của người lao động thông qua tác động lan tỏa công nghệ (Vahter, 2004).

Theo quan điểm tiếp cận thị trường lao động, FDI có thể tác động đến thị trường lao động tại địa phương thông qua tiền lương. Cụ thể, khi mở rộng FDI, nhu cầu về nguồn lao động tăng cao và qua đó tạo ra sự cạnh tranh về nguồn nhân lực giữa các doanh nghiệp. Với mức lương cao hơn so với các doanh nghiệp nội địa, doanh nghiệp FDI có thể thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao và qua đó tăng năng suất lao động và thu nhập của người lao động trong doanh nghiệp nói chung tại địa phương. Theo Arnal & Hijzen (2008), sự chênh lệch về mức lương giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nội địa buộc các doanh nghiệp địa phương phải đưa ra mức lương cao hơn để thu hút nhân lực và cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài.

Tác động tích cực của FDI đến thu nhập của người lao động được nhiều nghiên cứu thực nghiệm khẳng định, Ramasamy & Yeung (2005) chỉ ra rằng người lao động tại Trung Quốc có thể nhận được mức lương cao hơn nhờ nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, đặc biệt là tại các tỉnh ven biển. Chen & cộng sự (2011) làm rõ hơn rằng: chênh lệch về mức lương giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp địa phương là nguyên nhân dẫn cạnh tranh nguồn nhân lực, khi đó buộc các doanh nghiệp địa phương phải tăng lương để thu hút nhân viên có trình độ cao. Mặt khác, tác động lan truyền công nghệ do các doanh nghiệp FDI mang lại cũng

ảnh hưởng đến nền kinh tế của các nước nhận đầu tư, tạo điều kiện mở rộng thị trường của doanh nghiệp, tạo ra các cơ hội việc làm cũng như nâng cao thu nhập của người lao động. Nguyễn Thị Thái Hưng (2019) phân tích thực trạng đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam trong giai đoạn 2007 – 2018; từ đó làm rõ tác động của của FDI đến bất bình đẳng thu nhập giữa các vùng kinh tế - xã hội ở Việt Nam.

Bên cạnh những tác động tích cực đến thu nhập của người lao động, một số nghiên cứu khác tìm ra tác động tiêu cực của FDI đến thu nhập của người lao động địa phương. Tomohara & Takii (2011), nghiên cứu tại Indonesia, phát hiện ra rằng vốn FDI tăng dẫn đến bất bình đẳng xã hội về mức thu nhập. Lee & Wie (2015) cho rằng dòng vốn FDI làm tăng nhu cầu lao động có trình độ cao, dẫn đến sự chênh lệch thu nhập giữa người lao động có kỹ năng cao và người lao động phổ thông càng tăng.

Dựa trên các kết quả của nhiều nghiên cứu khác nhau, FDI được nhận định rằng có thể tác động tích cực hoặc tiêu cực đến tiền lương của người lao động. Điều này đặt ra vấn đề nghiên cứu cần làm rõ mối quan hệ hay tác động của FDI đến thu nhập của người lao động tại nước nhận đầu tư. Bài viết này ủng hộ quan điểm tác động tích cực của FDI đến thu nhập bình quân của người lao động tại nước nhận đầu tư; từ đó đề xuất giả thuyết như sau:

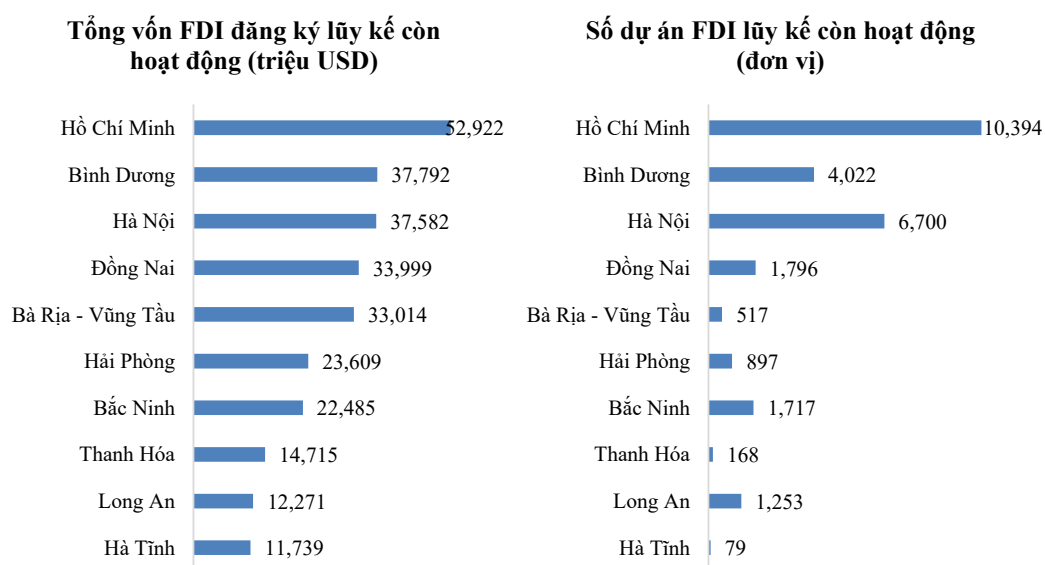
H2: Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) có tác động tích cực đến thu nhập bình quân người lao động trong doanh nghiệp tại nơi nhận đầu tư.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Mẫu nghiên cứu

Bài viết nghiên cứu tác động của thương mại quốc tế và FDI đến thu nhập của người lao động trong doanh nghiệp tại Việt Nam. Dữ liệu được thu thập tại niên giám thống kê của các tỉnh/thành, niên giám thống kê cả nước của Tổng cục Thống kê (2022) và Báo cáo xuất nhập khẩu hàng năm của Bộ Công Thương (2022) trong giai đoạn 2010 - 2021. Dữ liệu sau khi thu thập được làm sạch, tập trung vào các biến thể về thương mại quốc tế (xuất nhập khẩu) và FDI. Các các năm có dữ liệu không đầy đủ sẽ bị loại khỏi mẫu phân tích; cuối cùng hình thành mẫu nghiên cứu gồm dữ liệu của 63 tỉnh/thành, với tổng số lượng 436 năm quan sát trong giai đoạn 2010 – 2021.

Hình 1: 10 địa phương thu hút nhiều vốn FDI nhất giai đoạn tính đến 2021



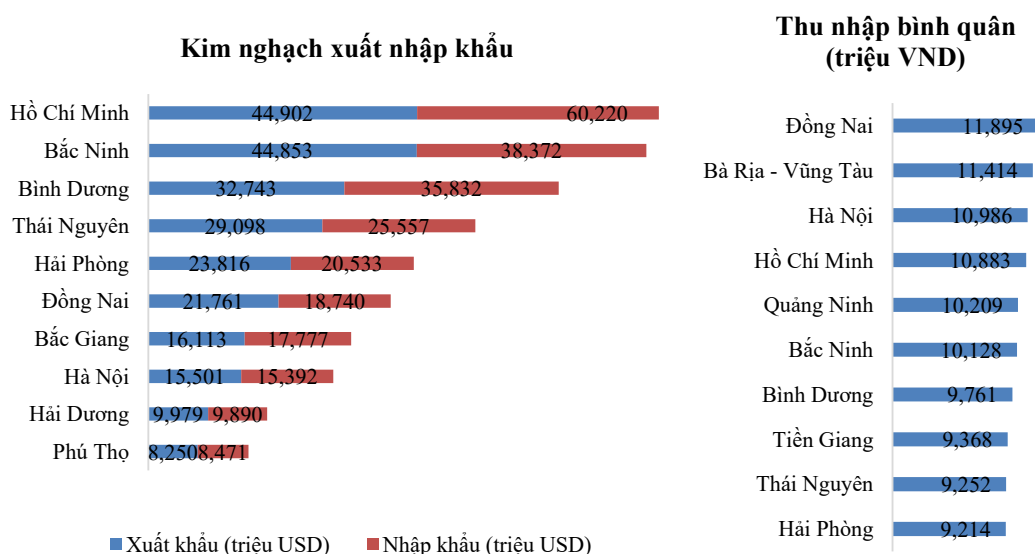
Nguồn: Tổng cục Thống kê (2022)

Phân tích miêu tả các địa phương cho thấy: Hồ Chí Minh, Bình Dương và Hà Nội tiếp tục là 3 địa phương thu hút vốn FDI nhiều nhất tại Việt Nam từ năm 2010 đến nay. Tổng vốn FDI đăng ký lũy kế còn hoạt động của cả nước đạt 419,88 Tỷ USD tính đến năm 2021, trong đó Hồ Chí Minh đứng đầu với 52,92 Tỷ USD và 10.394 dự án FDI còn hoạt động, Bình Dương đứng thứ đứng thứ hai với 37,79 tỷ USD và 4.022 dự án

FDI còn hoạt động, còn Hà Nội đứng thứ ba với 37,58 tỷ USD và 6.700 dự án FDI còn hoạt động (Tổng cục Thống kê, 2022).

Theo số liệu của Bộ Công Thương (2022), các tỉnh và thành phố lớn nhất của Việt Nam đóng góp nhiều nhất vào kim không xuất khẩu và nhập khẩu của đất nước. Cụ thể, Hồ Chí Minh là địa phương xuất khẩu lớn nhất với giá trị đạt 44,902,0 triệu USD, tương ứng 13,4% với tổng kim loại xuất khẩu của cả nước. Đồng thời, Hồ Chí Minh cũng là địa phương nhập khẩu lớn nhất với giá trị đạt 60,219,6 triệu USD, cho tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước là 236,189,6 triệu USD. Do đó, Hồ Chí Minh cũng là địa phương đóng góp nhiều nhất vào tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, với giá trị là 105,121,6 triệu USD.

Hình 2: 10 địa phương có kim ngạch xuất nhập khẩu và thu nhập bình quân người lao động trong doanh nghiệp cao nhất năm 2021



Nguồn: Bộ Công Thương (2022); Tổng cục Thống kê (2022)

Về thu nhập trung bình của người lao động trong doanh nghiệp, năm 2021, tính bình quân cả nước đạt 9,547 triệu VND/năm, tăng 4,1% so với năm 2010. Trong năm 2020-2021, thu nhập trung bình của người lao động trong doanh nghiệp trên bình diện cả nước là khoảng 9,547 triệu VND/năm. Tuy nhiên, thu nhập trung bình này có sự chênh lệch giữa các tỉnh thành phía Nam và phía Bắc. Theo thống kê năm 2022, các tỉnh thành có thu nhập trung bình cao nhất đều tập trung ở khu vực phía Nam. Đứng đầu là Đồng Nai với mức thu nhập trung bình 11,895 triệu VND/năm, tiếp đến là Bà Rịa - Vũng Tàu với mức thu nhập trung bình 11,414 triệu VND/năm và Bình Dương với mức thu nhập trung bình 9,761 triệu VND/năm. Hà Nội và Thái Nguyên cũng có mức thu nhập trung bình khá cao với lần lượt là 10,986 triệu VND/năm và 9,252 triệu VND/năm.

3.2. Các biến nghiên cứu

Để tìm hiểu về tác động của vốn đầu tư nước ngoài (FDI) và thương mại quốc tế đến thu nhập của người lao động trong doanh nghiệp tại Việt Nam, tác giả đã tiến hành nghiên cứu dựa trên rất nhiều tài liệu tham khảo có liên quan từ nhiều nguồn khác nhau như sách, báo và báo cáo. Những tài liệu này giúp tác giả xây dựng bảng hỏi và bộ thang đo các biến nghiên cứu, trong đó, bảng hỏi là những câu hỏi được xây dựng dựa trên những vấn đề liên quan đến FDI và xuất nhập khẩu từ các tỉnh thành của Việt Nam.

3.3. Phương pháp phân tích

Để kiểm định tác động của các biến và giả thuyết nghiên cứu, bài viết sử dụng phương pháp phân tích hồi quy với 8 biến độc lập. Mô hình hồi quy được xây dựng như sau:

$$Y = a_0 + a_1 * X_1 + a_2 * X_2 + a_3 * X_3 + a_4 * X_4 + a_5 * X_5 + a_6 * X_6 + a_7 * X_7 + \epsilon$$

Trong đó:

- a0 đến a7: các hệ số cần tìm;
- Y: Thu nhập bình quân tháng của lao động tại địa phương;
- X1, ..., X4: các biến độc lập về FDI địa phương;
- X5, X6: các biến độc lập về xuất và nhập khẩu của địa phương;
- X7: biến kiểm soát;
- ϵ : sai số.

Bảng 1: Thang đo các biến nghiên cứu

Tên biến	Ký hiệu	Đo lường
Số lượng dự án FDI lũy kế đang hoạt động tại địa phương	X1	= Tổng số dự án FDI còn đang hoạt động
Tỷ trọng vốn FDI lũy kế còn hoạt động so với GDP của địa phương	X2	= $\frac{\text{Vốn FDI lũy kế còn hoạt động}}{\text{GDP}}$
Tỷ trọng số lao động trong khu vực FDI trong tổng số lao động tại địa phương;	X3	= $\frac{\text{Lao động khu vực FDI}}{\text{Tổng lao động trong DN}}$
Tỷ trọng GDP của khối FDI so với GDP của địa phương	X4	= $\frac{\text{GDP của khu vực FDI}}{\text{GDP}}$
Tỷ trọng xuất khẩu so với GDP của địa phương	X5	= $\frac{\text{Giá trị xuất khẩu}}{\text{GDP địa phương}}$
Tỷ trọng nhập khẩu so với GDP của địa phương	X6	= $\frac{\text{Giá trị nhập khẩu}}{\text{GDP địa phương}}$
Tăng trưởng kinh tế GDP của địa phương	X7	= $\frac{\text{GDP}}{\text{GDP năm trước}} - 1$
Thu nhập bình quân tháng của người lao động trong doanh nghiệp	Y	= giá trị logarit cơ số 10 của thu nhập bình quân tháng

4. Kết quả nghiên cứu

Để kiểm định các giả thuyết, nghiên cứu sử dụng phần mềm Stata để phân tích hồi quy với 07 biến độc lập và 01 biến kiểm soát tăng trưởng kinh tế địa phương. Kết quả hồi quy tuyến tính thu được cho giá trị thống kê $F = 31,91$ và $p = 0,000 < 0,05$, đảm bảo mô hình ý nghĩa. Tuy nhiên, mô hình tồn tại vấn đề đa cộng tuyến khi có 2 giá trị VIF lớn hơn 4; do đó cần tiến hành phân tích hồi quy robust để loại bỏ hiệu ứng này, để đảm bảo kết quả không bị sai lệch. Kết quả hồi quy robust thu được các giá trị kê $F = 65,97$ và $p = 0,000 < 0,05$, đảm bảo mô hình ý nghĩa; cho phép khẳng định tính tin cậy của mô hình robust và cho phép đánh giá tiếp chi tiết các biến nghiên cứu.

4.1. Tác động của thương mại quốc tế (xuất nhập khẩu) đến thu nhập của người lao động trong doanh nghiệp địa phương

Kết quả hồi quy robust cho phép khẳng định giả thuyết 1 đúng, nhưng chỉ một phần. Cụ thể, về tác động của xuất khẩu hay tỷ trọng xuất khẩu so với GDP địa phương, kết quả hồi quy robust cho thấy biến X5 tác động tích cực đáng kể đến thu nhập bình quân tháng của người lao động trong doanh nghiệp (biến Y) tại các địa phương ở ngưỡng tin cậy 95% với các hệ số thống kê $B = 0,00042$ & $P = 0,014 < 0,05$. Như vậy, việc tăng cường xuất khẩu sẽ tạo ra nhiều công ăn việc làm và tăng nhu cầu lao động, do đó cải thiện thu nhập của người lao động. Ngoài ra, sản phẩm xuất khẩu thường có giá trị cao hơn so với sản phẩm bán trong nước, vậy nên các doanh nghiệp xuất khẩu sẽ tạo ra nhiều giá trị kinh tế và đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Theo lý thuyết liên quan đến tác động của thương mại quốc tế, việc tham gia vào hoạt động xuất khẩu có thể tăng cường sức cạnh tranh, nâng cao năng suất và tăng trưởng kinh tế, từ đó, thu nhập của người lao động cũng sẽ được cải thiện, đặc biệt là trong ngành công nghiệp xuất khẩu.

Đánh giá về tác động của nhập khẩu hay tỷ trọng nhập khẩu so với GDP, kết quả hồi quy robust cho thấy biến X6 không có tác động đáng kể đến thu nhập bình quân tháng của người lao động (biến Y) tại các địa phương ở ngưỡng tin cậy 95% với các hệ số thống kê $B = -0,00032$ & $P = 0,202 > 0,05$. Như vậy, việc tăng hay giảm nhập khẩu hay tỷ trọng nhập khẩu so với GDP cũng không ảnh hưởng đến thu nhập của người lao động tại địa phương. Điều này có thể được giải thích bởi việc nhập khẩu không ảnh hưởng trực tiếp đến

Bảng 2: Kết quả phân tích hồi quy

Biến	Hồi quy tuyến tính				Hồi quy robust				
	Hệ số B	Độ lệch chuẩn	t	P>t	VIF	Hệ số B	Độ lệch chuẩn	t	P>t
(Hệ số)	6,72688***	0,01243	541,209	0,000		6,72688***	0,01258	534,550	0,000
X1	0,00003***	0,00001	5,632	0,000	1,204	0,00003***	0,00000	9,940	0,000
X2	-0,00011**	0,00004	-2,786	0,006	1,139	-0,00011***	0,00003	-3,980	0,000
X3	0,00059	0,00042	1,430	0,154	2,174	0,00059	0,00039	1,510	0,131
X4	0,00308***	0,00074	4,151	0,000	3,478	0,00308**	0,00088	3,490	0,001
X5	0,00042*	0,00017	2,477	0,014	7,590	0,00042**	0,00016	2,680	0,008
X6	-0,00032	0,00025	-1,278	0,202	9,864	-0,00032	0,00027	-1,180	0,239
X7	-0,00593***	0,00123	-4,838	0,000	1,200	-0,00593***	0,00140	-4,240	0,000
	R ² = 0,3430; R ² hiệu chỉnh = 0,3322; F(7, 428) = 31,91***				R ² = 0,3430; F(7, 428) = 65,97***				

*p < 0,05; **p < 0,01; ***p < 0,001

việc tạo ra giá trị gia tăng cho địa phương, đây có thể chỉ là một phương tiện để bổ sung nguồn cung cấp và đáp ứng nhu cầu của thị trường trong trường hợp sản xuất nội địa không đủ. Nếu nhập khẩu giảm, sản xuất nội địa có thể tăng lên để đáp ứng nhu cầu thị trường. Trong trường hợp ngược lại, nhập khẩu tăng dẫn đến sản xuất nội địa có thể giảm xuống để đáp ứng nhu cầu thị trường. Điều này có thể làm giảm sự cạnh tranh giữa các sản phẩm nhập khẩu và sản phẩm nội địa, đồng thời cũng giảm áp lực lên giá thành sản phẩm nội địa. Do đó, không có tác động đáng kể đến thu nhập bình quân tháng của người lao động trong doanh nghiệp tại các địa phương.

4.2. Tác động của FDI đến thu nhập của người lao động trong doanh nghiệp tại địa phương tiếp nhận đầu tư

Kết quả hồi quy robust chỉ ra rằng thu nhập của người lao động trong doanh nghiệp chịu tác động của FDI và thương mại quốc tế tại các địa phương, tuy nhiên chỉ ở một số khía cạnh. Như vậy, giả thuyết 2 chỉ đúng một phần. Cụ thể, về tác động của số dự án FDI lũy kế còn hoạt động, kết quả hồi quy robust cho thấy biến X1 có tác động đáng kể tích cực đến biến Y ở ngưỡng tin cậy 95% với các hệ số thống kê B = 0,00003 & P = 0,000 < 0,05. Như vậy, có thể khẳng định càng có nhiều dự án FDI hoạt động tại địa phương, cạnh tranh về nguồn nhân lực giữa các doanh nghiệp càng lớn và qua đó nâng cao năng suất lao động cũng như thu nhập bình quân của người lao động. Việc cạnh tranh này sẽ tạo ra một sức ép tăng lương cho người lao động, doanh nghiệp phải trả lương cao hơn để thu hút và giữ chân nhân viên. Điều này sẽ có tác động lan tỏa ra toàn thị trường lao động địa phương, khi các doanh nghiệp cạnh tranh với nhau để thu hút và giữ chân nhân lực. Việc tăng thu nhập bình quân tháng của người lao động cũng có thể dẫn đến tăng cường khả năng tiêu dùng của họ, giúp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương và quốc gia.

Đánh giá về tác động của số vốn FDI đăng ký lũy kế còn hoạt động đến thu nhập bình quân tại địa phương, kết quả hồi quy robust cho thấy biến X2 có tác động tiêu cực đáng kể đến thu nhập bình quân tháng của người lao động trong doanh nghiệp (biến Y) tại các địa phương ở ngưỡng tin cậy 95% với các hệ số thống kê B = -0,00011 & P = 0,000 < 0,05. Điều này cho thấy mặc dù số lượng dự án FDI có thể tác động tích cực đến thu

nhập của người lao động, tuy nhiên trong dài hạn, số vốn FDI đăng ký lũy kế càng tăng thì thu nhập của người lao động tại các doanh nghiệp địa phương lại càng giảm. Do vậy, việc quản lý các dòng vốn FDI, đảm bảo chất lượng các dự án và cải thiện chất lượng lao động là rất quan trọng để tăng thu nhập của người lao động trong doanh nghiệp. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các địa phương nơi mà FDI là một nguồn lực đầu tư chính và có tác động lớn đến nền kinh tế địa phương.

Đánh giá về tác động của số lượng người lao động trong các doanh nghiệp FDI, kết quả hồi quy robust cho thấy biến X3 không có tác động đáng kể đến thu nhập bình quân tháng của người lao động (biến Y) tại các địa phương ở ngưỡng tin cậy 95% với các hệ số thống kê $B = 0,00059$ & $P = 0,154 > 0,05$. Như vậy, số lượng lao động làm việc tại các doanh nghiệp FDI tăng hay giảm cũng không ảnh hưởng đến thu nhập của người lao động tại địa phương. Điều này có thể được lý giải bằng việc các dự án FDI thường tập trung vào việc tận dụng lao động giá rẻ tại Việt Nam, khi đó các doanh nghiệp thường có xu hướng ép tiền lương xuống thấp nhất có thể để giữ lợi thế cạnh tranh trên thị trường. Nếu người lao động được trả lương cao hơn, doanh nghiệp sẽ mất lợi thế và có nguy cơ bị thua lỗ trong cuộc đua cạnh tranh giữa các doanh nghiệp. Tuy nhiên, xu hướng phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam đang khiến thu nhập của người lao động tăng dần lên. Do đó, mặc dù số lượng lao động có thể tăng trong các doanh nghiệp FDI nhưng không có tác động đáng kể đến thu nhập bình quân tháng của người lao động.

Đánh giá về tác động của tỷ trọng hay đóng góp của khối FDI vào GDP địa phương, kết quả hồi quy robust cho thấy biến X4 có tác động tích cực đáng kể đến thu nhập bình quân tháng của người lao động trong doanh nghiệp (biến Y) tại các địa phương ở ngưỡng tin cậy 95% với các hệ số thống kê $B = 0,00308$ & $P = 0,000 < 0,05$. Kết quả trên cho thấy khi khối FDI đóng góp một tỷ trọng lớn vào GDP địa phương, nền kinh tế địa phương được phát triển mạnh mẽ hơn, tạo ra nhiều của cải vật chất cho nền kinh tế địa phương và qua đó nâng cao năng suất lao động và thu nhập của người lao động. Đóng góp của FDI vào GDP địa phương cũng thể hiện sự tăng trưởng của ngành công nghiệp và dịch vụ, tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người dân và đẩy mạnh năng suất lao động. Theo lý thuyết năng suất lao động và lan tỏa, khi năng suất lao động tăng, sản phẩm cũng sẽ tăng, do đó thu nhập bình quân của người lao động sẽ càng cao.

4.3. Đánh giá về tác động của biến kiểm soát tăng trưởng kinh tế địa phương

Kết quả hồi quy robust cho thấy biến X7 tác động tiêu cực ngược chiều đến thu nhập bình quân của người lao động (biến Y) ở ngưỡng tin cậy 95% với $B = -0,00604$ & $P = 0,000 < 0,05$. Đây là một kết quả đáng ngạc nhiên, chỉ ra rằng các địa phương có tốc độ phát triển kinh tế càng cao thì thu nhập bình quân của người lao động lại càng thấp. Cụ thể, tốc độ phát triển kinh tế cao có thể tạo ra nhiều cơ hội việc làm và thu hút người lao động từ các khu vực khác; tuy nhiên, nếu lượng lao động tăng nhanh hơn nhu cầu về lao động thì sẽ dẫn đến sự cạnh tranh lớn giữa các nguồn lao động và giảm mức lương trung bình. Điều này có thể xảy ra khi một số địa phương phát triển quá nhanh so với nhu cầu, dẫn đến sự cạnh tranh lớn và giảm thu nhập của người lao động. Bên cạnh đó, tốc độ phát triển kinh tế cao thường đi đôi với sự tập trung của các ngành công nghiệp, đặc biệt là các ngành công nghiệp đòi hỏi kỹ năng thấp. Điều này dẫn đến tình trạng tăng lượng lao động phổ thông, có mức lương và trình độ thấp, ngược lại, các ngành công nghiệp đòi hỏi kỹ năng cao vẫn thiếu lao động, từ đó làm giảm mức lương trung bình và thu nhập bình quân của người lao động. Những kết quả này đều cho thấy rằng, để tăng thu nhập bình quân của người lao động, không chỉ cần tập trung vào việc tăng tốc độ phát triển kinh tế mà còn cần cải thiện chất lượng nguồn lao động và nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngành công nghiệp địa phương. Điều này giúp đảm bảo rằng tốc độ phát triển kinh tế cao có thể mang lại lợi ích cho cả người lao động và kinh tế địa phương.

5. Kết luận và khuyến nghị

Bài viết tập trung phân tích tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI, thương mại quốc tế đến thu nhập của người lao động trong doanh nghiệp tại Việt Nam. Kết quả cho thấy FDI và thương mại quốc tế có thể tác động tích cực, tiêu cực hoặc tác động không đáng kể đến thu nhập của người lao động. Cụ thể, số dự án FDI lũy kế còn hoạt động và tỷ trọng hay đóng góp của khối FDI vào GDP địa phương tác động tích cực đến thu nhập của người lao động trong khi số vốn FDI đăng ký lũy kế còn hoạt động ghi nhận ảnh hưởng tiêu cực và số lượng người lao động trong các doanh nghiệp FDI đến thu nhập người lao động có tác động không đáng kể. Do đó, để tăng tính cạnh tranh của thị trường lao động và đảm bảo rằng các dự án FDI có thể tạo ra giá trị kinh tế cao, cần phải chọn lọc và khuyến khích ưu tiên các dự án có hiệu quả cao, tạo ra sản

phẩm, dịch vụ có giá trị cao qua đó đóng góp lớn vào GDP địa phương. Để thu hút các dự án FDI này, các giải pháp được đề xuất bao gồm tăng cường quản lý đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư FDI ngành công nghiệp tiềm năng và nâng cao chất lượng lao động có trình độ, tay nghề trong khối FDI.

Bên cạnh đó, kết quả cũng tìm ra tác động tích cực đến thu nhập người lao động của xuất khẩu hay tỷ trọng xuất khẩu so với GDP địa phương và tác động không đáng kể của nhập khẩu hay tỷ trọng nhập khẩu so với GDP. Vì vậy, để nâng cao năng suất lao động và thu nhập của người lao động trong doanh nghiệp, cần thúc đẩy hoạt động xuất khẩu thông qua phát triển các sản phẩm có giá trị gia tăng cao và tìm kiếm các thị trường mới, đồng thời xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, logistics và hậu cần hiệu quả để tăng cường năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong lĩnh vực xuất khẩu. Đồng thời, cần có các chính sách hỗ trợ và khuyến khích các doanh nghiệp xuất khẩu, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Về nhập khẩu, cần chọn lọc các mặt hàng có tính cạnh tranh và áp dụng các biện pháp bảo hộ thương mại để đảm bảo sự cân bằng giữa nhập khẩu và xuất khẩu. Các giải pháp có thể được áp dụng như tăng cường quản lý chất lượng sản phẩm nhập khẩu để đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng, đồng thời giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm nội địa. Ngoài ra, cần thực hiện chính sách thuế nhập khẩu phù hợp để tạo sự khuyến khích và hạn chế cùng lúc đối với các mặt hàng nhập khẩu. Các biện pháp hỗ trợ sản xuất nội địa cũng cần được thực hiện để nâng cao hiệu quả của các doanh nghiệp sản xuất trong nước và giúp đảm bảo sự cân đối giữa sản xuất nội địa và nhập khẩu.

Nghiên cứu vẫn còn tồn tại một số hạn chế do thiếu dữ liệu các năm của một vài tỉnh thành, thời gian nghiên cứu kéo dài trong giai đoạn 2010 – 2021 và hạn chế về phương pháp phân tích trong nghiên cứu. Trong bối cảnh nền kinh tế ngày càng phát triển và cạnh tranh gay gắt, việc tìm ra giải pháp để nâng cao giá trị kinh tế, tăng thu nhập của người lao động là rất quan trọng. Tuy nhiên, để thực hiện các giải pháp này đòi hỏi sự quyết tâm, nỗ lực và sự đồng lòng của cộng đồng, cùng với sự hỗ trợ của các cơ quan chính quyền và các doanh nghiệp. Nghiên cứu đặt ra vấn đề đối với các tỉnh thành trong việc đưa địa phương của mình trở thành một nơi hấp dẫn đối với các nhà đầu tư và là một điểm đến lý tưởng cho các sản phẩm và dịch vụ xuất khẩu. Khi đó địa phương có thể đạt được mục tiêu phát triển kinh tế và cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân.

Tài liệu tham khảo

- Arnal, E., & Hijzen, A. (2008), *The Impact of Foreign Direct Investment on Wages and Working conditions* (Issue June), OECD Social, Employment and Migration Working Papers No. 68. DOI: <https://doi.org/10.1787/1815199X>
- Bộ Công Thương (2022), *Báo cáo Xuất Nhập Khẩu Việt Nam 2021*, Bộ Công thương, Hà Nội.
- Borjas, G. J., & Ramey, V. A. (1995), 'Foreign Competition, Market Power, and Wage Inequality', *The Quarterly Journal of Economics*, 110(4), 1075–1110. DOI: <https://doi.org/10.1093/ITNOW/BWAA110>.
- Chen, Z., Ge, Y., & Lai, H. (2011), 'Foreign direct investment and wage inequality: Evidence from China', *World Development*, 39(8), 1322–1332. DOI: <https://doi.org/10.1016/j.worlddev.2010.12.006>.
- IMF (1993), *Balance of Payments Manual*, International Monetary Fund. DOI: <https://doi.org/10.5089/9781557753670.071>.
- Kramarz, F. (2017), 'Evidence from Data Matching Imports, Firms, and Workers', In Fontagné Lionel & Harrison, Ann E., *The factory-free economy outsourcing, servitization, and the future of industry*, Oxford University Press, 257–301.
- Lee, J. W., & Wie, D. (2015), 'Technological change, skill demand, and wage inequality: Evidence from Indonesia', *World Development*, 67, 238–250. DOI: <https://doi.org/10.1016/j.worlddev.2014.10.020>.
- Lundin, N., & Yun, L. (2009), 'International trade and inter-industry wage structure in Swedish manufacturing: Evidence from matched employer - Employee data', *Review of International Economics*, 17(1), 87–102. DOI: <https://doi.org/10.1111/j.1467-9396.2008.00777.x>.

-
- Nguyễn Thị Thái Hưng (2019), ‘Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam: Thực trạng và khuyến nghị’, *Tạp chí Công thương*, 21, 40-45.
- OECD (1996), *Benchmark Definition of Foreign Direct Investment (3rd Ed)*, Organisation for Economic Cooperation and Development.
- Phạm Minh Thái, Vũ Thị Vân Ngọc & Nguyễn Thị Vân Hà (2022), ‘Thu nhập của lao động làm công ăn lương trong một số ngành định hướng xuất khẩu ở Việt Nam’, *Khoa học xã hội Việt Nam*, 11, 69-78.
- Ramasamy, B., & Yeung, M. (2005), ‘The Dynamic Relationship between FDI and Wages: Evidence from the People’s Republic of China’, *Journal of International Business and Economy*, 6(1), 23–42. DOI: <https://doi.org/10.51240/jibe.2005.1.2>
- Schank, T., Schnabel, C., & Wagner, J. (2010), ‘Higher wages in exporting firms: Self-selection, export effect, or both? First evidence from linked employer-employee data’, *Review of World Economics*, 146(2), 303–322. DOI: <https://doi.org/10.1007/s10290-010-0049-7>.
- Tintin, C. (2012), ‘Foreign Direct Investment , Labor Income and Inequality : Evidence from OECD Countries’, *Journal of Economics and Finance Studies*, 4(1), 51–60.
- Tomohara, A., & Takii, S. (2011), ‘Does globalization benefit developing countries? Effects of FDI on local wages’, *Journal of Policy Modeling*, 33(3), 511–521. DOI: <https://doi.org/10.1016/j.jpolmod.2010.12.010>.
- Tổng cục Thống kê (2022), *Niên giám thống kê - The Statistical Yearbook 2021*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- UNCTAD (1999), *World Investment Report 1999: Foreign Direct Investment and the Challenge of Development*, United Nations Conference on Trade and Development, United Nations, New York and Geneva.
- Vahter, P. (2004), ‘The Effect of Foreign Direct Investment on Labour Productivity: Evidence from Estonia and Slovenia’, *SSRN Electronic Journal*. DOI: <https://doi.org/10.2139/ssrn.623184>.
- Yang, Y., & Mallick, S. (2010), ‘Export Premium, Self-selection and Learning-by-Exporting: Evidence from Chinese Matched Firms’, *World Economy*, 33(10), 1218–1240. DOI: <https://doi.org/10.1111/j.1467-9701.2010.01277.x>.
- Yasin, M. Z., Esquivias, M. A., & Arifin, N. (2022), ‘Foreign Direct Investment and Wage Spillovers in the Indonesian Manufacturing Industry’, *Buletin Ekonomi Moneter Dan Perbankan*, 25, 125–160. DOI: <https://doi.org/10.21098/bemp.v25i0.1821>.